

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 3611/QĐ-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 4064/QĐ-UBND ngày 11/10/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch thuộc phạm vi, chức năng quản lý của UBND tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 5699/TTr-SVHTTDL ngày 07 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án đơn giản hóa 29 thủ tục hành chính nội bộ trong lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa (có Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch dự thảo Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá thủ tục hành chính nội bộ của UBND tỉnh kèm theo Phương án đơn giản hóa đã được thông qua tại Quyết định này, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt gửi Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Cục KSTTHC - VPCP (để theo dõi);
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (để b/c);
- Bộ Nội vụ (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, KSTTHCNC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'Nguyễn Văn Thi', written in a cursive style.

Nguyễn Văn Thi

Phụ lục
PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ
LĨNH VỰC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
(kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Thủ tục 1: Thông báo thành lập thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện công lập; thư viện cấp huyện.

Thủ tục 2: Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện công lập; thư viện cấp huyện.

Thủ tục 3: Thông báo giải thể thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện công lập; thư viện cấp huyện.

Thủ tục 4: Thông báo thành lập thư viện cấp xã; thư viện cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác là thư viện công lập.

Thủ tục 5: Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện cấp xã; thư viện cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác là thư viện công lập.

Thủ tục 6: Thông báo giải thể thư viện cấp xã; thư viện cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác là thư viện công lập.

1. Nội dung đơn giản hóa của thủ tục 1 đến thủ tục 6: Đề nghị bãi bỏ toàn bộ 06 thủ tục hành chính nội bộ này.

Lý do: Theo quy định tại Điều 23 Luật Thư viện năm 2019 thì trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành quyết định thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể, chấm dứt hoạt động thư viện thì cơ quan, tổ chức phải thông báo cho UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện nơi đặt trụ sở. Hồ sơ của thủ tục này là bản sao Quyết định hoặc văn bản thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể hoạt động thư viện (đây chính là kết quả của thủ tục thành lập sáp nhập, chia, tách, giải thể thư viện). Bản chất, mục tiêu của thủ tục này chỉ có tính chất thông báo cho địa phương nơi thư viện đặt trụ sở biết.

Như vậy, việc thực hiện thủ tục Thông báo thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể thư viện có thể thay thế bằng việc cơ quan có thẩm quyền ngay khi ban hành quyết định thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể thư viện sẽ đồng thời gửi cho UBND cấp tỉnh/ UBND cấp huyện nơi thư viện đặt trụ sở được biết (tức bổ sung vào nơi nhận của Quyết định thành lập). Quy định này sẽ

thuận tiện hơn, giảm được thời gian, công sức, giảm chi phí cho cơ quan, tổ chức mà vẫn đảm bảo được mục tiêu quản lý nhà nước.

2. Kiến nghị thực thi

Kiến nghị bãi bỏ Điều 23, Luật Thư viện năm 2019, đồng thời, bổ sung quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Thư viện như sau: “1. Đối với thư viện là đơn vị sự nghiệp công lập, thẩm quyền, trình tự, thủ tục thành lập thư viện thực hiện theo quy định của pháp luật về đơn vị sự nghiệp công lập. Quyết định thành lập, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể thư viện công lập phải được gửi đến UBND cấp tỉnh/UBND cấp huyện nơi có trụ sở đặt trên địa bàn.

3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Thủ tục 1: Thông báo thành lập thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện công lập; thư viện cấp huyện.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.800.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 4.800.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

Thủ tục 2: Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện công lập; thư viện cấp huyện.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.800.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 4.800.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

Thủ tục 3: Thông báo giải thể thư viện chuyên ngành ở cấp tỉnh, thư viện đại học là thư viện công lập; thư viện cấp huyện.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.800.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 4.800.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

Thủ tục 4: Thông báo thành lập thư viện cấp xã; thư viện cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác là thư viện công lập.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.800.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 4.800.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

Thủ tục 5: Thông báo sáp nhập, hợp nhất, chia, tách thư viện cấp xã; thư viện cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác là thư viện công lập.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.800.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 4.800.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

Thủ tục 6: Thông báo giải thể thư viện cấp xã; thư viện cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục khác là thư viện công lập.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.800.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 4.800.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

Thủ tục 7: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng I

Thủ tục 8: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng II

Thủ tục 9: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng III

Thủ tục 10: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng I

Thủ tục 11: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng II

Thủ tục 12: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng III.

Thủ tục 13: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng I

Thủ tục 14: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng II

Thủ tục 15: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng III.

Thủ tục 16: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Phương pháp viên hạng II

Thủ tục 17: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Phương pháp viên

hạng III.

Thủ tục 18: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên văn hóa hạng II

Thủ tục 19: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên văn hóa hạng III

Thủ tục 20: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Huấn luyện viên chính

Thủ tục 21: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Huấn luyện viên

Thủ tục 22: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Họa sĩ hạng I

Thủ tục 23: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Họa sĩ hạng II

Thủ tục 24: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Họa sĩ hạng III.

Thủ tục 25: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng I

Thủ tục 26: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng II

Thủ tục 27: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng III.

Thủ tục 28: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Tuyên truyền viên văn hóa lên Tuyên truyền viên văn hóa chính

Thủ tục 29: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Tuyên truyền viên văn hóa trung cấp lên Tuyên truyền viên văn hóa.

1. Nội dung đơn giản hóa của thủ tục 7 đến thủ tục 29

a) Về thành phần, số lượng bộ hồ sơ:

- Đề nghị bãi bỏ thành phần hồ sơ: “Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức” tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

Lý do: Trên thực tế, nội dung thông tin của “Sơ yếu lý lịch viên chức” không phục vụ cho việc xem xét, thẩm định các yêu cầu, điều kiện trong xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Do đó, việc cắt giảm thành phần hồ sơ này sẽ giảm thời gian và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho viên chức.

- Đề nghị quy định cụ thể số lượng bộ hồ sơ dự xét thăng hạng chức danh

nghề nghiệp.

Lý do: Tại Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ được sửa đổi bởi khoản 18 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ chưa quy định số lượng bộ hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Do đó, đề nghị quy định bổ sung nội dung này để tạo điều kiện thuận lợi cho viên chức, tránh tình trạng yêu cầu tùy tiện về số lượng bộ hồ sơ trong quá trình thực hiện.

b) Về thời hạn giải quyết: Đề nghị quy định đầy đủ, cụ thể thời gian thực hiện thủ tục xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Lý do: Tại khoản 5 Điều 40 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 được bổ sung bởi khoản 21 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 và tại Điều 42 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP của Chính phủ mới quy định thời gian thực hiện đối với việc thông báo kết quả và bổ nhiệm xếp lương viên chức trúng tuyển, chưa quy định đầy đủ, cụ thể thời gian thực hiện đối với các bước còn lại trong trình tự thực hiện tổ chức xét thăng hạng. Do đó, để đảm bảo đúng quy định đề nghị bổ sung thời gian giải quyết cho từng cơ quan, từng nhiệm vụ cụ thể và tổng thời gian giải quyết của thủ tục hành chính, tránh tình trạng kéo dài thời gian, tùy nghi ở mỗi địa phương, đơn vị.

2. Kiến nghị thực thi

- Kiến nghị bãi bỏ Điều 36 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Bổ sung quy định đầy đủ, cụ thể về số lượng bộ hồ sơ, thời gian thực hiện của thủ tục hành chính nội bộ xét thăng hạng viên chức.

3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

Thủ tục 7: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng I

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 22.480.000đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10.870.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 11.610.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 51,65%.

Thủ tục 8: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng II

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 29.760.000đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.320.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 15.440.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 51,88%.

Thủ tục 9: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Đạo diễn nghệ thuật hạng III

- Chi phí tuân thủ TTTC trước khi đơn giản hóa: 30.480.000đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTTC sau khi đơn giản hóa: 15.230.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 15.250.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50,03%.

Thủ tục 10: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng I

- Chi phí tuân thủ TTTC trước khi đơn giản hóa: 22.480.000đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTTC sau khi đơn giản hóa: 10.870.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 11.610.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 51,65%.

Thủ tục 11: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng II

- Chi phí tuân thủ TTTC trước khi đơn giản hóa: 29.760.000đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTTC sau khi đơn giản hóa: 14.320.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 15.440.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 51,88%.

Thủ tục 12: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Diễn viên hạng III.

- Chi phí tuân thủ TTTC trước khi đơn giản hóa: 30.480.000đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTTC sau khi đơn giản hóa: 15.230.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 15.250.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50,03%.

Thủ tục 13: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng I

- Chi phí tuân thủ TTTC trước khi đơn giản hóa: 22.480.000đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTTC sau khi đơn giản hóa: 10.870.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 11.610.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 51,65%.

Thủ tục 14: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng II

- Chi phí tuân thủ TTTC trước khi đơn giản hóa: 26.720.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12.340.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 14.380.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 53,82%.

Thủ tục 15: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng III.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 30.480.000đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 15.230.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 15.250.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50,03%.

Thủ tục 16: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Phương pháp viên hạng II

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 22.480.000đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10.870.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 11.610.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 51,65%.

Thủ tục 17: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Phương pháp viên hạng III.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 29.760.000đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.320.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 15.440.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 51,88%.

Thủ tục 18: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên văn hóa hạng II

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 22.480.000đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10.870.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 11.610.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 51,65%.

Thủ tục 19: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Hướng dẫn viên văn hóa hạng III

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 30.480.000đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 15.230.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 15.250.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50,03%.

Thủ tục 20: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Huấn luyện viên chính

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 28.240.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 13.330.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 14.910.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 52,80%.

Thủ tục 21: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Huấn luyện viên

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 30.480.000đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 15.230.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 15.250.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50,03%.

Thủ tục 22: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Họa sĩ hạng I

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 20.960.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 9.880.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 11.080.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 52,86%.

Thủ tục 23: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Họa sĩ hạng II

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 22.480.000đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10.870.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 11.610.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 51,65%.

Thủ tục 24: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Họa sĩ hạng III.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 29.760.000đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14.320.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 15.440.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 51,88%.

Thủ tục 25: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng I

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 22.480.000đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10.870.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 11.610.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 51,65%.

Thủ tục 26: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng II

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 28.240.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 13.330.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 14.910.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 52,80%.

Thủ tục 27: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp Thư viện viên hạng III.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 30.480.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 15.230.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 15.250.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50,03%.

Thủ tục 28: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Tuyên truyền viên văn hóa lên Tuyên truyền viên văn hóa chính

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 28.240.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 13.330.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 14.910.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 52,80%.

Thủ tục 29: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức từ Tuyên truyền viên văn hóa trung cấp lên Tuyên truyền viên văn hóa.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 30.480.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 15.230.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 15.250.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50,03%./.